

Bản án số: 67/2023/DS-ST

Ngày 27 - 9 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Thắng.

2. Ông Lục Viết Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Ước - Kiểm sát viên.

Ngày 27-9-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-DS ngày 25/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng A). Địa chỉ trụ sở chính: Số B, L, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đồng Tiến V1 - Giám đốc chi nhánh C - Bắc Giang II. Địa chỉ chi nhánh :, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông V1: Ông Nguyễn Hồng K - Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trương Văn S, sinh năm 1974 – (vắng mặt)

2. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1973 – (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Hồng K trình bày:

Ngày 20/7/2018, Ông Trương Văn S và bà Hoàng Thị T (ủy quyền cho ông S) đã ký hợp đồng tín dụng số 2514LAV201801477 với Ngân hàng A, Chi nhánh C - B, hạn mức tín dụng của hợp đồng: 60.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Theo báo cáo Đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 04/11/2020, ông S, bà T đã vay của Ngân hàng số tiền 60.000.000 đồng; Lãi suất cho vay 11%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10%/năm trên số lãi chậm trả; Định kỳ trả nợ gốc và lãi: Ngày 02/11/2021 trả 10.000.000 đồng tiền gốc và lãi, Ngày 02/11/2022 trả 20.000.000 đồng tiền gốc và lãi, Ngày 02/11/2023 trả 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Kể từ ngày vay đến nay, ông S và bà T mới trả được cho Ngân hàng 994.521 đồng tiền lãi, chưa trả cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi dù Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần.

Ngân hàng A yêu cầu ông Trương Văn S, bà Hoàng Thị T trả cho ngân hàng N số tiền còn nợ 82.119.611 đồng. Trong đó: 60.000.000 đồng tiền vốn gốc, tiền lãi: 22.119.611 đồng. Ông Trương Văn S và bà Hoàng Thị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng 2514LAV201801477 ngày 20/7/2018 và Đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 2514LDS202004692 ngày 04/11/2020.

* Tại các lời khai trong hồ sơ ông Trương Văn S trình bày:

Ông S và bà T là vợ chồng hợp pháp, ngày 02/11/2020, bà T ủy quyền cho ông xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng A, Chi nhánh C - Bắc Giang II. Ngày 20/7/2018, ông S ký với Ngân hàng A, Chi nhánh C - Bắc Giang II hợp đồng tín dụng số 2514LAV201801477, hạn mức tín dụng của hợp đồng là 60.000.000 đồng. Ngày 04/11/2020, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông vay số tiền 60.000.000 đồng, mục đích vay: chăn nuôi bò nái; thời hạn vay: 36 tháng (lãi suất vay 11%/năm). Kể từ ngày vay đến nay, vợ chồng ông S mới trả được cho Ngân hàng 994.521 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Ông S thừa nhận vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 10/4/2023 là 15.805.068 đồng (cả trong hạn và quá hạn), tổng cả gốc và lãi là 75.805.068 đồng. Ông đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông thêm thời gian thu xếp để trả tiền lãi và đáo sổ ngân hàng do hoàn cảnh khó khăn, ông bà không có khả năng thanh toán tiền gốc.

* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Hoàng Thị T không có văn bản ghi nhận ý kiến trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông **Trương Văn S**, bà **Hoàng Thị T** chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Áp dụng Khoản 3 Điều 144; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng N (A)** buộc ông **Trương Văn S** và bà **Hoàng Thị T** phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 27/9/2023 là 23.114.132 đồng, ông **S** đã trả 994.521 đồng, số tiền lãi còn phải trả là 22.119.611 đồng. Tổng cả gốc và lãi Ngân hàng yêu cầu hoàn trả là 82.119.611 đồng, ông **S** còn phải chịu lãi suất chậm trả cho đến khi trả nợ xong.

Về án phí: ông **Trương Văn S** và bà **Hoàng Thị T** phải liên đới chịu 4.105.981 đồng án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **S**, bà **T** trả tiền của hợp đồng tín dụng số 2514LAV201801477 ngày 20/7/2018 ông **S**, bà **T** vay tiền để chăn nuôi, trồng trọt nên đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, ông **S**, bà **T** cùng có địa chỉ cư trú tại **huyện Y** nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Ông **Nguyễn Hồng K** vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **Trương Văn S**, bà **Hoàng Thị T** vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra ngày 20/7/2018 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết theo quy định tại Điều 689 của Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông S, bà T trả nợ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về trách nhiệm trả nợ: Ông S, bà T có vay tiền tại Ngân hàng A. Hợp đồng tín dụng đã ký là đúng theo trình tự quy định của pháp luật, bên cho vay và bên vay tiền đều thừa nhận việc vay nợ và nhất trí trả nợ là phù hợp với Hợp đồng tín dụng số 2514LAV201801477 và Đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 2514LDS202004692 ngày 04/11/2020 đã ký kết giữa Ngân hàng với ông S, bà T. Đến nay, ông S, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 82.119.611 đồng. Trong đó: 60.000.000 đồng tiền vốn gốc, tiền lãi: 22.119.611 đồng (có bảng kê tính lãi kèm theo). Do ông S, bà T không chấp hành trả nợ đúng theo các kỳ trả nợ đã phân kỳ là vi phạm khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 2514LAV201801477 ngày 20/7/2018 và mục II.6 báo cáo đề xuất giải ngân số 2514LDS202004692 ngày 04/11/2020 nên Ngân hàng có quyền thu hồi nợ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 2514LAV201801477 ngày 20/7/2018. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông S, bà T phải trả cho Ngân hàng A số tiền gốc 60.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2023 là 22.119.611 đồng.

Ngoài ra, Ông S, bà T còn phải chịu số lãi phát sinh từ ngày 28/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, khế ước đã ký với Ngân hàng A.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Ông Trương Văn S, bà Hoàng Thị T phải liên đới chịu 4.105.981 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 207; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 468, Điều 689 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trương Văn S, bà Hoàng Thị T phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 27/9/2023 là

22.119.611 đồng (Hai mươi hai triệu, một trăm mười chín nghìn, sáu trăm mười một đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 82.119.611 đồng (T1 mười hai triệu, một trăm mười chín nghìn, sáu trăm mười một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất Hợp đồng tín dụng số 2514LAV201801477 ngày 20/7/2018 và Báo cáo đề xuất giải ngân số 2514LDS202004692 ngày 04/11/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

2. Về tiền án phí: Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng N số tiền 1.600.000đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009224 ngày 26/6/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu.

Ông Trương Văn S và bà Hoàng Thị T phải liên đới chịu 4.105.981 đồng (Bốn triệu, một trăm linh lăm nghìn, chín trăm tám một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Thảo